

Số: /QĐ-UBND

Thanh Hoá, ngày tháng 6 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật xây dựng
công trình Đường giao thông liên thôn bản Mùa Xuân,
xã Sơn Thủy đi bản Ché Lầu, xã Na Mèo, huyện Quan Sơn.**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng; số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 về quản lý dự án đầu tư xây dựng; số 42/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 về quản lý dự án đầu tư xây dựng; số 68/2019/NĐ-CP ngày 14/8/2019 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng về quy định chi tiết và hướng dẫn một số nội dung về thẩm định, phê duyệt dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình;

Căn cứ Quyết định số 24/2018/QĐ-UBND ngày 27/7/2018 của UBND tỉnh về quy định phân công, phân cấp thẩm định dự án, thiết kế cơ sở và thiết kế, dự toán xây dựng công trình trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ các Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh: Số 5318/QĐ-UBND ngày 16/12/2019 về việc giao dự toán thu ngân sách nhà nước; số 1453/QĐ-UBND ngày 27/4/2020 về việc phê duyệt dự toán chi phí khảo sát, lập Báo cáo kinh tế kỹ thuật;

Theo đề nghị của Ban Dân tộc tại Tờ trình số 31/TTr-BDT ngày 19/5/2020; đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông vận tải Thanh Hóa tại Tờ trình số 2256/TTr-SGTVT ngày 08/ 6/ 2020; Báo cáo kết quả thẩm định số 2255/SGTVT-TĐKHKT ngày 08/6/ 2020 về việc phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật xây dựng công trình Đường giao thông liên thôn bản Mùa Xuân, xã Sơn Thủy đi bản Ché Lầu, xã Na Mèo, huyện Quan Sơn.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật công trình: Đường giao thông liên thôn bản Mùa Xuân, xã Sơn Thủy đi bản Ché Lầu, xã Na Mèo, huyện Quan Sơn, với nội dung chủ yếu sau:

1. Tên công trình: Đường giao thông liên thôn bản Mùa Xuân, xã Sơn Thủy đi bản Ché Lầu, xã Na Mèo, huyện Quan Sơn.

2. Mục tiêu đầu tư: Giúp nhân dân trong xã đi lại thuận tiện, tạo điều kiện thuận lợi cho việc thông thương giữa các thôn trong xã, góp phần phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, từng bước hoàn thành kết cấu hạ tầng theo mục tiêu xây dựng nông thôn mới.

3. Loại, cấp công trình: Công trình giao thông, cấp IV.

4. Chủ đầu tư: Ban Dân tộc.

5. Nhà thầu khảo sát, thiết kế và lập dự toán xây dựng công trình: Công ty cổ phần tư vấn xây dựng giao thông thủy lợi Thái Sơn.

6. Chủ nhiệm dự án: Ks Vũ Đình Huynh.

7. Địa điểm xây dựng: Xã Sơn Thủy, huyện Quan Sơn.

8. Diện tích sử dụng đất: Diện tích 1,22ha.

9. Quy mô đầu tư và tiêu chuẩn kỹ thuật:

- Quy mô đầu tư xây dựng: Xây dựng đường giao thông cấp B theo TCVN 10380-2014; chiều dài 807,3m, trong đó: điểm đầu nối tiếp với đường bê tông đã có tại địa phận bản Mùa Xuân, xã Sơn Thủy; điểm cuối cách điểm đầu 807,3m theo hướng bản Ché Lầu, xã Na Mèo.

- Tiêu chuẩn kỹ thuật: Vận tốc thiết kế $V_{tk} = 15\text{km/h}$; chiều rộng nền đường $B_n = 5,0\text{m}$; chiều rộng mặt đường $B_m = 3,5\text{m}$; chiều rộng lề đường $Bl = (2 \times 0,75)\text{m} = 1,5\text{m}$; độ dốc dọc lớn nhất $I_{\max} = 13\%$; bán kính đường cong nằm tối thiểu giới hạn $R_{\min} = 15\text{m}$; kết cấu mặt đường bê tông xi măng M300 dày 18cm.

10. Danh mục các quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn chủ yếu áp dụng: Thống nhất như tại báo cáo kết quả thẩm định số 2255/SGTVT-TĐKHKT ngày 08/6/2020 của Giám đốc Sở Giao thông vận tải Thanh Hóa.

11. Giải pháp thiết kế:

a) Bình đồ tuyến: Tuyến cơ bản bám theo đường mòn hiện có, đào đắp cục bộ một số vị trí để đảm bảo tiêu chuẩn cấp đường; chiều dài thiết kế $L = 807,3\text{m}$; tổng số 21 đỉnh đường cong nằm, trong đó có 20 đỉnh đóng cong, bán kính nhỏ nhất $R_{\min} = 21,88\text{m}$; bố trí 2 điểm tránh xe, kết cấu như kết cấu tuyến chính.

b) Trắc dọc tuyến: Đường đồ được thiết kế trên cơ sở tần suất thủy văn 4%, hạn chế khối lượng đào đắp để phù hợp với kinh phí của dự án và đảm bảo độ êm thuận khi xe chạy; độ dốc dọc lớn nhất $I_{\max} = 13\%$.

c) Mặt cắt ngang:

- Chiều rộng nền đường $B_n = 5,0\text{m}$;

- Chiều rộng mặt đường $B_m = 3,5\text{m}$;

- Chiều rộng lề đất hai bên $B_{l\grave{e}} = 2 \times 0,75 = 1,5\text{m}$;
- Độ dốc ngang mặt đường $i_{\text{mặt}} = 2\%$; dốc ngang lề đường $i_{l\grave{e}} = 4\%$.

d) Mặt đường: Bề mặt bê tông xi măng M300 dày 18cm, móng đá dăm nước đá (4x6)cm dày 12cm.

e) Nền, lề đường:

- Nền đường: Dạng nền đào, đắp thông thường.
- + Nền đường đắp: Đắp bằng đất đào tận dụng; đất đắp đầm chặt $K \geq 0,95$; độ dốc mái ta luy nền đắp 1/1,5.
- + Nền đường đào: Độ dốc mái ta luy nền đào 1/0,75.
- Lề đường: Đắp đất đầm chặt $K \geq 0,95$; đoạn xây rãnh gia cố lề đến sát mép rãnh, kết cấu như kết cấu tuyến chính.

g) Công trình thoát nước:

- Thoát nước mặt: Bề mặt chảy toả và đào rãnh dọc đất tiết diện hình thang, kích thước (0,4+1,2)x0,4m; đoạn dốc > 6% gia cố rãnh bằng tấm BTXM M200 lát mái, đáy BTXM M150.

- Thoát nước ngang: Trên tuyến hiện có 01 cống cũ thuộc cống tròn đường kính $\Phi 1,5\text{m}$ đang còn sử dụng được nên tận dụng, bổ sung xây dựng 01 cống mới đường kính $\Phi 1,5\text{m}$, kết cấu: móng, hồ thu, tường đầu, tường cánh, sân cống, chân khay bằng bê tông M150, ống cống BTCT M200.

h) Hệ thống an toàn giao thông: Bố trí theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41:2019/BGTVT.

12. Dự toán duyệt: 2.795.198.000 đồng (Hai tỷ bảy trăm chín mươi lăm triệu một trăm chín mươi tám nghìn đồng),

Trong đó:

- Chi phí xây dựng:	2.326.553.000	đồng.
- Chi phí quản lý dự án:	49.678.000	đồng.
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng:	302.860.000	đồng.
- Chi phí khác:	16.375.000	đồng.
- Chi phí dự phòng:	99.732.000	đồng.

(chi tiết có phụ lục kèm theo)

13. Nguồn vốn: Theo Quyết định số 5318/QĐ-UBND ngày 16/12/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh.

14. Số bước thiết kế: 01 bước (bản vẽ thi công).

15. Thời gian thực hiện: Năm 2020.

16. Hình thức quản lý dự án: Chủ đầu tư trực tiếp quản lý dự án

17. Phương án tái định cư, giải phóng mặt bằng: Không.

Điều 2. Ban Dân tộc căn cứ Quyết định này triển khai thực hiện theo quy định hiện hành về quản lý đầu tư xây dựng.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Giao thông vận tải, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính; Ban Dân tộc; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh Thanh Hóa; Thủ trưởng các ngành và đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3-QĐ;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để B/c);
- Phó CVP Trần Huy Chân;
- Lưu: VT, VX (ngocnd).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Phạm Đăng Quyền

PHỤ LỤC: BẢNG TỔNG HỢP KINH PHÍ

**Công trình: Đường giao thông liên thôn bản Mùa Xuân, xã Sơn Thủy
đi bản Ché Lầu, xã Na Mèo, huyện Quan Sơn**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /6/2020
của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

Đơn vị: đồng

STT	NỘI DUNG CHI PHÍ	GIÁ TRỊ TRƯỚC THUẾ	THUẾ GTGT	GIÁ TRỊ SAU THUẾ
1	Chi phí xây dựng	2.115.048.425	211.504.843	2.326.553.000
2	Chi phí ban quản lý dự án	49.678.257		49.678.000
3	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	275.824.887	27.035.489	302.860.000
3.1	Chi phí khảo sát địa hình	85.328.182	8.532.818	93.861.000
3.2	Chi phí lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật	109.963.636	10.996.364	120.960.000
3.3	Chi phí giám sát công tác khảo sát	3.470.000		3.470.000
3.4	Chi phí lập hồ sơ mời thầu	3.293.130	329.313	3.622.443
3.5	Chi phí đánh giá hồ sơ dự thầu	4.024.937	402.494	4.427.431
3.6	Chi phí thẩm định kết quả LCNT	2.000.000		2.000.000
3.7	Chi phí giám sát thi công	67.745.001	6.774.500	74.519.501
4	Chi phí khác	16.334.488	40.186	16.375.000
4.1	Phí thẩm định báo cáo KTKT	401.859	40.186	442.045
4.2	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán	15.932.629		15.932.629
5	Chi phí dự phòng	99.732.000		99.732.000
	Tổng cộng	2.556.618.057	238.580.517	2.795.198.000